
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vương Thị Bạch Tuyết

Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Email: tuyetvtb@utt.edu.vn

Nguyễn Thị Quỳnh Trang*

Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Email: trangntq@utt.edu.vn

Ngô Thị Hương

Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Email: huongnt@utt.edu.vn

Mã bài: JED-2552

Ngày nhận bài: 22/07/2025

Ngày nhận bài sửa: 03/09/2025

Ngày duyệt đăng: 19/09/2025

DOI: 10.33301/JED.VI.2552

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông (CTGT), từ đó đề xuất các giải pháp về quản lý tài chính cho các doanh nghiệp này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu định lượng thông qua kiểm định độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích mô hình hồi quy tuyến tính bội với dữ liệu khảo sát từ các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả cũng đưa ra một số giải pháp khuyến nghị cho các doanh nghiệp xây dựng CTGT để quản lý tài chính cần cải thiện năng lực thanh toán, cải thiện năng lực kinh doanh, cải thiện năng lực cân đối vốn và cải thiện năng lực thu lợi.

Từ khóa: Quản lý, tài chính, xây dựng, công trình giao thông.

Mã JEL: M48, C83

Factors affecting financial management results of transport construction enterprises in Hanoi

Abstract

The article studies the factors affecting the financial management of transport construction enterprises, thereby proposing solutions for financial management for these enterprises. The study employs qualitative research methods combined with quantitative research, testing the scale's reliability, exploratory factor analysis, and multiple linear regression model analysis with survey data from transport construction enterprises in Hanoi. From the research results, the authors also propose some recommended solutions for transport construction enterprises to manage finances to improve payment capacity, business capacity, capital balance capacity, and profit capacity.

Keywords: Construction, finance, management, transport infrastructure.

JEL Codes: M48, C83.

1. Giới thiệu

Quản lý tài chính doanh nghiệp là hoạt động cốt lõi, đóng vai trò then chốt trong sự thành công và phát triển bền vững của bất kỳ tổ chức nào. Quản lý tài chính thể hiện sự tác động của nhà quản lý tới các hoạt động tài chính của doanh nghiệp thông qua cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp. Lưu Thị Hương & Vũ Duy Hào (2020) cho rằng: “Cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp được hiểu là một tổng thể các phương pháp, các hình thức và công cụ được vận dụng để quản lý các hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong những điều kiện cụ thể nhằm đạt được mục tiêu nhất định”. Một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp là do công tác quản lý tài chính doanh nghiệp chưa đạt hiệu quả cao và ngược lại. Vậy làm sao để các quản lý tài chính cho các doanh nghiệp hiệu quả, đây là một vấn đề mà các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm, chú trọng.

Đã có nhiều nhà nghiên cứu các lý thuyết về quản lý tài chính doanh nghiệp. Bhat (2008) nhấn mạnh mục tiêu của quản lý tài chính bao gồm thanh khoản, lợi nhuận và tăng trưởng. Do đó, các lĩnh vực cụ thể mà quản lý tài chính cần phải được quan tâm tới là quản lý thanh khoản (dòng tiền, quản lý vốn lưu động), quản lý lợi nhuận (phân tích lợi nhuận, kế hoạch lợi nhuận) và quản lý phát triển (lập kế hoạch và quyết định nguồn vốn). Bhat (2008) xem xét các khu vực cụ thể của quản lý tài chính bao gồm tất cả các lĩnh vực có liên quan đến các mục trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp. Các lĩnh vực cụ thể của quản lý tài chính bao gồm quản lý vốn lưu động, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn tài chính, lập kế hoạch tài chính, lập kế hoạch và đánh giá khả năng sinh lời.

Baker & Powell (2009) chỉ ra ba loại quyết định quản lý tài chính của một công ty phải thực hiện trong kinh doanh: (1) quyết định ngân sách, (2) các quyết định tài chính, (3) các quyết định liên quan đến tài chính ngắn hạn và liên quan đến vốn lưu động ròng. Ngoài ra, nghiên cứu cũng xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài chính doanh nghiệp.

Như vậy đã có nhiều nghiên cứu về quản lý tài chính cho các doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu cụ thể đối với các doanh nghiệp xây dựng. Doanh nghiệp xây dựng CTGT là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, phát triển, duy tu và bảo trì các công trình hạ tầng giao thông. Các công trình này gồm đường bộ, cầu, hầm, cảng biển, sân bay, đường sắt, và các hạ tầng giao thông khác. Hoạt động sản xuất và sản phẩm của các doanh nghiệp xây dựng CTGT có đặc điểm tương đối khác so với các ngành nghề sản xuất thông thường như: sản phẩm xây lắp mang tính chất đơn chiếc, riêng lẻ; hoạt động sản xuất diễn ra ở nhiều địa phương khác nhau; đối tượng xây lắp thường có khối lượng lớn, giá trị lớn và thời gian thi công dài; quá trình sản xuất thường diễn ra ngoài trời, chịu tác động của các yếu tố môi trường trực tiếp; sản phẩm sản xuất có tính chất liên ngành, quá trình thi công có nhiều lực lượng tham gia liên quan đến nhiều khâu. Chính các đặc điểm này ảnh hưởng đến công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Do vậy, trong nghiên cứu này, tác giả sẽ tiến hành nhận dạng và xác định mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là cơ sở góp phần giúp các doanh nghiệp xây dựng CTGT hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý tài chính, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động.

Về mặt bố cục, ngoài phần giới thiệu, bài viết sẽ bao gồm các phần sau đây: Tổng quan nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và thảo luận, kết luận, các hạn chế và hướng nghiên cứu.

2. Tổng quan và giả thuyết nghiên cứu

Quản lý tài chính có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố, trên cơ sở các nghiên cứu của các tác giả: Bhat (2008); Baker & Powell (2009); Brigham & Ehrhardt (2020); Jain (2007); Gitman & Zutter (2015) kết hợp với phỏng vấn chuyên gia, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về **các nhân tố ảnh hưởng đến** hiệu quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các giả thuyết được đưa ra bao gồm:

2.1. Lựa chọn cơ hội đầu tư

Nguyễn Minh Kiều (2020) cho rằng việc xây dựng và lựa chọn các dự án đầu tư do nhiều bộ phận trong

doanh nghiệp cùng hợp tác thực hiện, đứng trên góc độ tài chính thì cần xem xét đến kết quả chủ yếu của tài chính. Cân nhắc giữa chi phí bỏ ra, những rủi ro có thể gặp phải và khả năng có thể thu lợi nhuận, khả năng thực hiện dự án. Nhà quản lý tài chính là người xem xét việc sử dụng vốn đầu tư như thế nào trong việc phân tích, đánh giá, lựa chọn và dự án đầu tư tối ưu và có mức sinh lời cao. Lựa chọn cơ hội đầu tư là một trong những nội dung rất quan trọng của quản lý tài chính vì nó tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Đầu tư vào đâu, cái gì? Đầu tư khi nào là thích hợp? Quy mô đầu tư ra sao? Để có quyết định đầu tư, nhà quản lý tài chính cho các doanh nghiệp xây dựng CTGT cần quan tâm: Doanh nghiệp cần những loại tài sản nào phục vụ cho sản xuất kinh doanh, mối quan hệ giữa tài sản lưu động và tài sản cố định nên như thế nào? Kết cấu chi phí ra sao? Doanh nghiệp cần đầu tư chi tiết cho các loại tài sản như thế nào? Để đánh giá kết quả đầu tư dự án chúng ta dựa vào: Giá trị hiện tại thuần (NPV); Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR); Chỉ số sinh lợi (PI); MIRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ hiệu chỉnh).

H1: Nhân tố lựa chọn cơ hội đầu tư có tác động thuận chiều với quản lý tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.2. Nhân tố tổ chức huy động vốn

Mọi hoạt động của doanh nghiệp đều đòi hỏi có vốn để hoạt động. Nhà quản lý tài chính cần phải xác định các nhu cầu về vốn cấp thiết cho các hoạt động của doanh nghiệp ở trong kỳ. Vốn hoạt động gồm có vốn ngắn hạn, vốn trung hạn và vốn dài hạn, nhà quản lý cần phải tổ chức huy động đầy đủ cho nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp và cần xem xét đến cơ cấu vốn, chi phí cho việc sử dụng các nguồn vốn, cách thức huy động vốn để đi đến việc quyết định lựa chọn hình thức và phương pháp huy động vốn thích hợp (Nguyễn Minh Kiều, 2020).

H2: Nhân tố tổ chức huy động vốn có tác động thuận chiều với quản lý tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.3. Quản lý và hạch toán chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành các hoạt động sản xuất trong kỳ kinh doanh nhất định. Chi phí sản xuất là chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp xây dựng CTGT và có liên hệ chặt chẽ với doanh thu. Quản lý và hạch toán chi phí tốt sẽ góp phần tăng doanh thu cho doanh nghiệp (Horngren & cộng sự, 2020).

H3: Nhân tố quản lý và hạch toán chi phí có tác động thuận chiều với quản lý tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.4. Nhân tố phân phối lợi nhuận và tái đầu tư

Lợi nhuận là mục tiêu của hoạt động kinh doanh, làm một chỉ tiêu mà doanh nghiệp phải đặc biệt quan tâm vì nó liên quan đến sự tồn tại, phát triển mở rộng của doanh nghiệp. Không thể nói doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tốt, kết quả cao trong khi lợi nhuận của doanh nghiệp lại giảm. Doanh nghiệp cần có phương pháp tối ưu trong việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi. Thực hiện phân phối lợi nhuận hợp lý sau khi đã đóng góp các khoản vào ngân sách nhà nước cũng như trích lập và sử dụng tốt các quỹ sẽ góp phần quan trọng vào quản lý tài chính của các doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp có sức khoẻ tài chính tốt. Lợi nhuận là nguồn tích lũy quan trọng để các doanh nghiệp xây dựng CTGT bổ sung vốn cố định và vốn lưu động, tạo điều kiện mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận cao hoặc thấp sẽ tác động trực tiếp đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, thu được lợi nhuận cao chứng tỏ doanh nghiệp đó tổ chức quản lý tài chính tốt (Vũ Quang Kết, 2024).

H4: Nhân tố phân phối lợi nhuận và tái đầu tư có tác động thuận chiều với quản lý tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.5. Nhân tố phân tích và hoạch định tài chính

Brigham & Ehrhardt (2020) cho rằng các hoạt động tài chính của doanh nghiệp cần được dự kiến trước thông qua việc lập kế hoạch tài chính. Thực hiện tốt việc lập kế hoạch tài chính là công cụ cần thiết giúp cho

doanh nghiệp có thể chủ động đưa ra các giải pháp kịp thời khi có sự biến động của thị trường. Quá trình lập kế hoạch tài chính cũng là quá trình ra quyết định tài chính thích hợp nhằm đạt tới các mục tiêu của doanh nghiệp. Phân tích tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra về nội dung, kết cấu và thực trạng các chỉ tiêu tài chính trên báo cáo; đồng thời cũng để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó, nhà quản lý tài chính và chủ doanh nghiệp có được những thông tin cần thiết về sức khỏe của doanh nghiệp. Đây là nội dung quan trọng trong quản lý tài chính giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định đúng đắn về sản xuất, kinh doanh và quản lý tài chính của đơn vị mình.

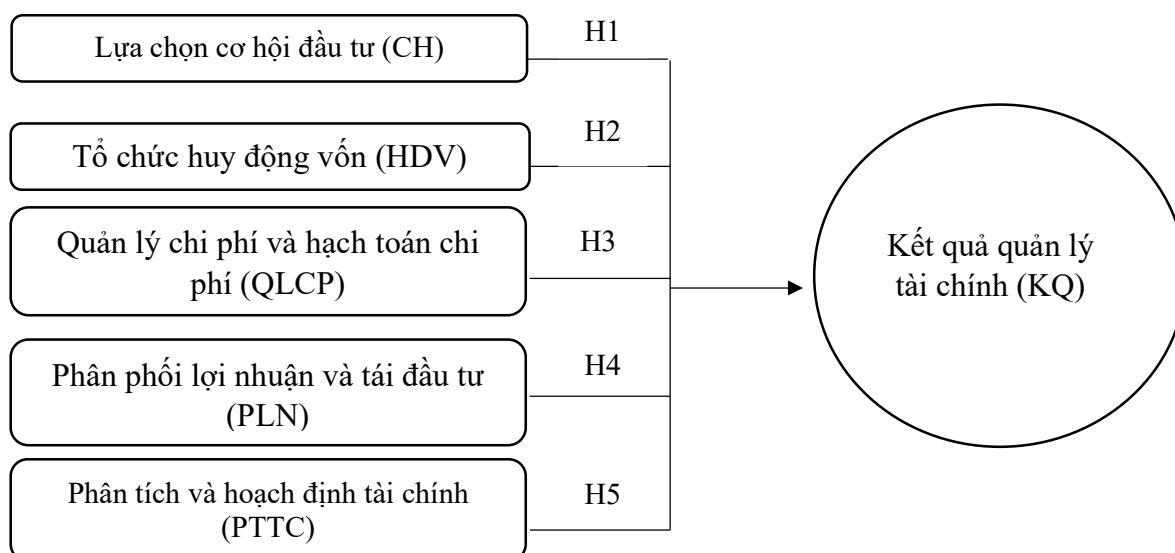
H5: Nhân tố phân tích và hoạch định tài chính có tác động thuận chiều với quản lý tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.6. Biến phụ thuộc – Nhân tố kết quả quản lý tài chính

Theo Gitman & Zutter (2015), Kết quả quản lý tài chính là kết quả mang lại từ cách thức quản lý tài chính của chủ doanh nghiệp thông qua việc thực hiện các nội dung của công tác quản lý tài chính như thế nào? Tốt hay xấu? Kết quả này được đánh giá thông qua các chỉ số tài chính trong doanh nghiệp.

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu tiềm nhiệm và điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội theo ý kiến chuyên gia, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới Quản lý tài chính như Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Đề xuất của tác giả

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc nghiên cứu tổng quan các vấn đề nghiên cứu kết hợp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với các chuyên gia để khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nghiên cứu sơ bộ được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp với các chuyên gia về tài chính nhằm mục đích điều chỉnh các biến quan sát. Khảo sát chính thức được thực hiện từ ngày 10 đến ngày 30/5/2025 với nội dung phiếu khảo sát gồm hai phần. Phần 1 là thông tin chung, phần 2 gồm các câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ về ảnh hưởng của các nhân tố đến quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu sơ cấp thu thập từ các phiếu khảo sát gửi tới nhà quản trị các cấp (ban giám đốc, trưởng phòng, ban kiểm soát) của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phiếu khảo sát được gửi tới đối tượng khảo sát dưới nhiều hình thức như gửi trực tiếp, gửi qua email và công

cụ trực tuyến (Google Docs).

Theo Tabachnick & Fidell (2007), kích thước mẫu cho mô hình hồi quy đa biến được tính theo công thức: $N \geq 50 + 8p$ trong đó p là số biến độc lập. Trong nghiên cứu này số biến độc lập được xác định là 5 biến, do đó kích thước mẫu tối thiểu là 90. Để đảm bảo tính khách quan, tin cậy, nhóm tác giả đã gửi 235 phiếu khảo sát và nhận về 220 phiếu hợp lệ để đưa vào phân tích.

Biến độc lập, biến phụ thuộc, thang đo và nguồn được trình bày chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả biến độc lập và biến phụ thuộc

Biến	Mã hoá	Diễn giải	Nguồn tham khảo
Lựa chọn cơ hội đầu tư (CH)	CH1	Chủ doanh nghiệp tự ra quyết định đầu tư theo cảm tính	Nguyễn Minh Kiều (2020), Nguyễn Thị Minh (2014)
	CH2	Lập dự án đầu tư làm căn cứ ra quyết định	
	CH3	Ban tài chính có ý kiến quan trọng trong việc ra quyết định đầu tư của doanh nghiệp	
	CH4	Doanh nghiệp sử dụng các phương pháp để đánh giá kết quả đầu tư	
Tổ chức huy động vốn (HDV)	HDV1	Khi có nhu cầu về vốn, doanh nghiệp thường sử dụng vốn chủ sở hữu	Trần Tố Mai & Lê Trần Hạnh Phuong (2022), Nguyễn Minh Kiều (2020)
	HDV 2	Khi có nhu cầu về vốn, doanh nghiệp thường đi vay cá nhân bên trong doanh nghiệp	
	HDV 3	Khi có nhu cầu về vốn, doanh nghiệp thường đi vay tổ chức bên ngoài doanh nghiệp	
	HDV 4	Khi có nhu cầu về vốn, doanh nghiệp thường vay được nguồn vốn ưu đãi từ chính phủ	
	HDV 5	Khi có nhu cầu về vốn, doanh nghiệp thường liên doanh, liên kết	
Quản lý chi phí và hạch toán chi phí (QLCP)	QLCP1	Doanh nghiệp sử dụng công nghệ số để quản lý (phần mềm, máy tính)	Nguyễn Minh Kiều (2020), Trần Thị Ngọc Hân (2024), Horngren & cộng sự (2020)
	QLCP 2	Doanh nghiệp phân loại chi phí theo nội dung, công dụng	
	QLCP 3	Doanh nghiệp phân loại chi phí theo yêu cầu quản trị	
Phân phối lợi nhuận và tái đầu tư (PLN)	PLN1	Trả tiền vi phạm các quy định nhà nước (nộp thuế, bảo hiểm,...)	Vũ Quang Kết (2024) Trần Thị Phương Thảo (2019)
	PLN 2	Chia lãi cho các cổ đông	
	PLN 3	Trích lập các quỹ	
	PLN 4	Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng, thoả thuận	
Phân tích và hoạch định tài chính (PTTC)	PTTC1	Doanh nghiệp thường xuyên lập Báo cáo Báo cáo tài chính cung cấp thông tin quan trọng trong việc ra quyết định quản lý tài chính	Brigham & Ehrhardt (2020) Nguyễn Thúc Hương Giang & cộng sự (2024)
	PTTC 2	Doanh nghiệp thường xuyên lập kế hoạch tài chính	
	PTTC 3	Doanh nghiệp thường xuyên đối chiếu kết quả thực tế với lập kế hoạch	
	PTTC 4	Doanh nghiệp thường xuyên thực hiện hoạch định và phân tích tài chính	
	PTTC 5	Doanh nghiệp thường xuyên thực hiện hoạch định và phân tích tài chính	
Biến phụ thuộc – Kết quả quản lý tài chính (KQ)	KQ1	Năng lực thanh toán của doanh nghiệp	Gitman & Zutter (2015)
	KQ2	Năng lực kinh doanh của doanh nghiệp	
	KQ3	Năng lực cân đối vốn và thu lợi của doanh nghiệp	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Dữ liệu thu thập từ bảng câu hỏi khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Đầu tiên, nghiên cứu tiến hành đánh giá độ tin cậy của thang đo với yêu cầu giá trị Cronbach's Alpha > 0,7. Sau đó, nghiên cứu phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm xác định “giá trị hội tụ” và “giá trị phân biệt của thang đo” với yêu

cầu hệ số tải nhân tố (Factor loading) $>0,5$; hệ số KMO $\geq 0,5$ và ≤ 1 ; giá trị Sig. $< 0,05$; đồng thời phương sai trích $>50\%$. Phương pháp rút trích nhân tố được sử dụng là phương pháp xoay các nhân tố Varimax. Tiếp theo, nghiên cứu kiểm định lại độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach's Alpha sau khi đã loại bỏ các chỉ báo không phù hợp và phân tích tương quan giữa các biến. Cuối cùng tiến hành phân tích mô hình hồi quy bội để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng biến độc lập đến biến phụ thuộc.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định thực nghiệm cho rằng các biến đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp lớn hơn 0,3 và có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 nên các biến đều phù hợp để thực hiện các phân tích tiếp theo (xem Bảng 2).

Bảng 2: Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Lựa chọn cơ hội đầu tư (CH): Cronbach's Alpha = 0,787				
CH 1	11,25	6,146	0,675	0,764
CH 2	11,28	6,618	0,586	0,805
CH 3	11,36	5,971	0,662	0,771
CH 4	11,23	6,082	0,680	0,757
Tổ chức huy động vốn (HDV): Cronbach's Alpha = 0,834				
HDV 1	13,56	10,021	0,631	0,786
HDV 2	13,53	9,411	0,665	0,776
HDV 3	13,49	10,141	0,614	0,794
HDV 4	13,47	10,572	0,567	0,807
HDV 5	13,50	10,021	0,642	0,787
Quản lý chi phí và hạch toán chi phí (QLCP): Cronbach's Alpha = 0,837				
QLCP 1	7,33	3,299	0,747	0,788
QLCP 2	7,47	3,064	0,810	0,746
QLCP 3	7,58	3,008	0,799	0,758
Phân phối lợi nhuận và tái đầu tư (PLN): Cronbach's Alpha = 0,798				
PLN 1	11,28	6,328	0,586	0,760
PLN 2	11,27	6,641	0,588	0,757
PLN 3	11,19	6,169	0,678	0,713
PLN 4	11,19	6,641	0,587	0,758
Phân tích và hoạch định tài chính (PTTC): Cronbach's Alpha = 0,792				
PTTC 1	14,63	9,154	0,596	0,745
PTTC 2	14,62	9,250	0,651	0,727
PTTC 3	14,58	10,268	0,495	0,776
PTTC 4	14,60	9,626	0,553	0,759
PTTC 5	14,62	9,860	0,562	0,756
Biến phụ thuộc – Kết quả quản lý tài chính (KQ): Cronbach's Alpha = 0,766				
KQ 1	7,39	1,313	0,575	0,714
KQ 2	7,36	1,305	0,653	0,624
KQ 3	7,32	1,437	0,571	0,716

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS.

4.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá với biến độc lập được chi tiết trong Bảng 3.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 21 biến quan sát được gom thành 5 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5. Hệ số KMO là 0,765 (trong khoảng từ 0,5 đến 1); Giá trị Eigenvalue bằng 1,423 (>1); Tổng phương sai trích là 63,206 % ($>50\%$); kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa là 0,000 (nhỏ hơn 5 %). Như vậy, các biến độc lập thỏa mãn hai điều kiện là “Giá trị hội tụ” (các biến quan sát hội tụ về cùng một nhân tố) và “Giá trị phân biệt” (các biến quan sát thuộc về nhân tố này phân biệt với nhân tố khác).

Phân tích nhân tố khám phá EFA với biến phụ thuộc (xem Bảng 4).

Bảng 3: Ma trận xoay trong phân tích EFA đối với biến độc lập

Biến quan sát	Thành phần				
	1	2	3	4	5
HDV2	0,797				
HDV 1	0,771				
HDV 5	0,775				
HDV 3	0,761				
HDV4	0,708				
PTTC2		0,806			
PTTC1		0,764			
PTTC5		0,706			
PTTC4		0,708			
PTTC3		0,683			
CH4			0,836		
CH3			0,792		
CH1			0,756		
CH2			0,732		
PLN3				0,834	
PLN2				0,781	
PLN1				0,718	
PLN4				0,719	
QLCP2					0,881
QLCP3					0,865
QLCP1					0,806

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS.

Bảng 4: Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett

Hệ số KMO		0,694
Giá trị Chi bình phương xấp xỉ		169,529
Kiểm định Bartlett	df	3
	Sig.	0,000

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS.

Kết quả phân tích yếu tố khám phá EFA đối với biến phụ thuộc cho thấy phân tích rút trích được một nhân tố (Kết quả quản lý tài chính - KQ) với chỉ số KMO là 0,694 (lớn hơn 0,5), chỉ số Eigenvalue là 2,045 (lớn hơn 1), tổng phương sai trích được là 68,3 % (> 50%), kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa là 0,000 (nhỏ hơn 5%). Vậy, biến phụ thuộc – Kết quả quản lý tài chính (KQ) là đạt điều kiện là biến phụ thuộc để đưa vào phân tích các bước tiếp theo.

4.3. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Để đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính bội, tác giả sử dụng hệ số xác định R^2 hiệu chỉnh. Đồng thời trị số Durbin – Watson dùng để kiểm tra hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất (Bảng 5).

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R^2	Hệ số R^2 hiệu chỉnh	Sai số chuẩn	Hệ số Durbin-Watson
1	0,852	0,728	0,721	0,29123	1,987

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS.

Kết quả phân tích đưa ra kết quả hệ số R^2 hiệu chỉnh bằng 0,721 cho thấy các biến độc lập đưa vào mô hình ảnh hưởng 72,1% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 27,9% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Hệ số Durbin – Watson bằng 1,987 (nằm trong khoảng 1,5 đến 2) nên không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất xảy ra. Theo kết quả ANOVA, giá trị F bằng 112,883, Sig kiểm định F bằng $0,000 < 0,05$ như vậy mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu.

Sig kiểm định t hệ số hồi quy của các biến độc lập đều nhỏ hơn 0,05, do đó các biến độc lập đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc, không biến nào bị loại khỏi mô hình. Hệ số VIF của các biến độc lập

Bảng 6. Kết quả mô hình hồi quy các nhân tố tác động

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá β	Thống kê t	Mức ý nghĩa Sig. (t)	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn				Hệ số Tolerance	VIF
(Constant)	-0,195	0,176		-1,107	0,271		
CH	0,255	0,027	0,363	9,239	0,000	0,788	1,272
HDV	0,221	0,025	0,305	8,492	0,000	0,961	1,041
QLCP	0,053	0,023	0,383	2,252	0,024	0,955	1,047
PLN	0,260	0,028	0,073	9,809	0,000	0,814	1,227
PTTC	0,271	0,028	0,365	10,179	0,000	0,949	1,053

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS.

đều nhỏ hơn 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0, có nghĩa các biến độc lập đưa vào phân tích có tác động cùng chiều tới biến phụ thuộc.

4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 nhân tố độc lập đều có ý nghĩa, tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc. Cụ thể:

Nhân tố quản lý chi phí và hạch toán chi phí có tác động mạnh nhất đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội do có hệ số β bằng 0,383. Kết quả nghiên cứu thể hiện nếu việc quản lý chi phí và hạch toán chi phí của các doanh nghiệp xây dựng CTGT tốt, hiệu quả thì làm cho kết quả quản lý tài chính đạt hiệu quả cao. Khi chi phí được quản lý chặt chẽ, phân bổ hợp lý và hạch toán chính xác, doanh nghiệp có thể hạn chế thất thoát, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao khả năng cạnh tranh. Do vậy, để gia tăng lợi nhuận, quy mô hoạt động thì các doanh nghiệp xây dựng CTGT cần xem xét đến cách thức quản lý chi phí của đơn vị mình, bởi lẽ quản lý chi phí tốt có thể giúp doanh nghiệp nâng cao và cải thiện năng lực thanh toán.

Nhân tố phân tích và hoạch định tài chính là nhân tố tác động mạnh thứ hai đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông với hệ số β bằng 0,365. Với đặc thù sản phẩm của các doanh nghiệp xây dựng CTGT là các dự án có quy mô lớn, vốn đầu tư cao, thời gian thi công kéo dài và dòng tiền phụ thuộc vào tiến độ nghiệm thu, do đó doanh nghiệp có thể đối mặt với rủi ro mất cân đối tài chính nếu thiếu sự hoạch định tài chính phù hợp. Thông qua các hoạt động phân tích và dự báo, doanh nghiệp xây dựng CTGT có thể xác định nhu cầu vốn theo từng giai đoạn, lựa chọn cơ cấu nguồn vốn hợp lý, từ đó giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí và tối đa hóa lợi nhuận. Việc phân tích và hoạch định tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội tốt, hiệu quả khi ứng dụng các công nghệ số sẽ giúp nhà quản lý có góc nhìn đa chiều trong hoạt động tài chính của đơn vị mình. Phân tích và hoạch định tài chính tốt sẽ giúp cải thiện và nâng cao năng lực cân đối vốn.

Nhân tố lựa chọn cơ hội đầu tư là nhân tố tác động mạnh thứ ba đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội với hệ số β bằng 0,363. Điều này thể hiện các doanh nghiệp có nhiều cơ hội đầu tư, lựa chọn cơ hội đầu tư tốt sẽ là cơ sở cho kết quả quản lý tài chính tốt. Khi các doanh nghiệp xây dựng CTGT xác định và lựa chọn được dự án đầu tư khả thi, có tỷ suất lợi nhuận cao và mức độ rủi ro phù hợp, nguồn vốn sẽ được sử dụng hiệu quả, tạo ra dòng tiền ổn định và gia tăng giá trị cho doanh nghiệp. Ngược lại, quyết định đầu tư không hợp lý có thể khiến vốn bị ứ đọng, cơ cấu tài chính mất cân đối, từ đó ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và uy tín của doanh nghiệp.

Nhân tố huy động vốn là nhân tố tác động mạnh thứ tư đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội với hệ số β bằng 0,305. Do đặc thù các doanh nghiệp xây dựng CTGT thường cần nguồn vốn lớn, thời gian thi công kéo dài và vốn giải ngân theo tiến độ. Việc huy động vốn kịp thời, với cơ cấu hợp lý sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo dòng tiền ổn định để thanh toán, đồng thời hạn chế rủi ro mất cân đối tài chính. Do vậy, việc huy động vốn tốt, tìm đúng nguồn huy động, sử dụng đúng mục đích sẽ giúp các doanh nghiệp xây dựng CTGT gia tăng kết quả quản lý tài chính.

Nhân tố phân phối lợi nhuận và tái đầu tư là nhân tố tác động ít nhất đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội với hệ số β bằng 0,073. Điều này cho thấy các doanh nghiệp không bị tác động lớn trong việc phân phối lợi nhuận. Việc phân phối lợi nhuận và tái đầu tư chỉ là cơ sở để các doanh nghiệp xây dựng CTGT tái thiết lập một mô hình mới trong kết quả quản lý tài chính của mình. Việc phân phối lợi nhuận thường chỉ tác động gián tiếp và ở mức độ hạn chế đến kết quả quản lý tài chính, bởi bản chất của phân phối lợi nhuận là khâu xử lý sau cùng khi doanh nghiệp đã hoàn thành các hoạt động kinh doanh trong kỳ. Phân phối lợi nhuận chỉ mang tính chất điều chỉnh mối quan hệ lợi ích giữa cổ đông và doanh nghiệp, chứ không làm thay đổi tình hình tài chính của doanh nghiệp trong ngắn hạn như các yếu tố cơ cấu vốn, chi phí vốn... Tuy nhiên, nếu duy trì chính sách phân phối lợi nhuận không hợp lý trong dài hạn thì có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến năng lực tài chính cũng như sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

5. Kết luận

Với mục tiêu nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm đã xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tất cả 5 nhân tố được lựa chọn đều có ảnh hưởng thuận chiều đến tính kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp này. Trong đó, nhân tố Quản lý chi phí và hạch toán chi phí có ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả quản lý tài chính, tiếp theo là nhân tố Phân tích và hoạch định tài chính. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội cải thiện năng lực thanh toán, năng lực kinh doanh, năng lực cân đối vốn và năng lực thu lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Mặc dù nghiên cứu đã giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu đề ra, tuy nhiên nghiên cứu vẫn không tránh khỏi những hạn chế sau:

Một là, phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn đối với các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội nên chưa bao quát được các doanh nghiệp trong các ngành nghề, lĩnh vực khác và trên địa bàn các tỉnh, thành phố khác.

Hai là, kết quả nghiên cứu chỉ giải thích được 72,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Điều này chứng tỏ còn có những nhân tố khác ảnh hưởng đến việc kết quả quản lý tài chính của các doanh nghiệp xây dựng CTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội mà nghiên cứu chưa đề cập đến.

Từ những hạn chế của nghiên cứu, định hướng các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng nội dung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả quản lý tài chính của các loại hình doanh nghiệp khác với việc nghiên cứu bổ sung thêm các nhân tố ảnh hưởng mới.

Tài liệu tham khảo

- Baker, H. K. & Powell, G. E. (2009). *Understanding financial management: A practical guide*. Wiley, Hoboken, New Jersey, USA.
- Bhat, S. (2008). *Financial management: Principles and practice*. Excel Books India, New Delhi, India.
- Brigham, E. F. & Ehrhardt, M. C. (2020). *Financial management: Theory and practice* (16th ed.). Pearson, Boston, Massachusetts, USA.
- Gitman, L. J. & Zutter, C. J. (2015). *Principles of managerial finance* (14th ed.). Pearson, Boston, Massachusetts, USA.
- Horngren, C. T., Datar, S. M. & Rajan, M. V. (2020). *Cost accounting: A managerial emphasis* (16th ed.). Pearson, Boston, Massachusetts, USA.
- Jain, P. K. (2007). *Financial management*. McGraw-Hill Education, New Delhi, India.
- Lưu Thị Hương & Vũ Duy Hào (2020). *Tài chính doanh nghiệp*. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

-
- Nguyễn Minh Kiều (2020). *Quản trị tài chính doanh nghiệp*. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- Nguyễn Thúc Hương Giang, Phạm Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Phương Dung, Lê Thảo Linh (2024). Ảnh hưởng của hoạt động đầu tư đến hiệu quả tài chính các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Kinh doanh ĐHQGHN*, 4(3), 21–32.
- Nguyễn Thị Minh (2014). *Quản lý tài chính doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội* [Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội]. Thư viện luận án mở trực tuyến. https://sdh.neu.edu.vn/xem-tai-lieu/nguyen-thi-minh-bao-ve-luan-an-tien-si__20048.html
- Tabachnick, B. G. & Fidell, L. S. (2007). *Using multivariate statistics* (5th ed.). Allyn & Bacon, Boston, Massachusetts, USA.
- Trần Thị Ngọc Hân (2024). Ảnh hưởng của mô hình quản trị đến kế toán quản trị chi phí. *Tạp chí Tài chính*, 7(2). <https://tapchitaichinh.vn/anh-huong-cua-mo-hinh-quan-tri-den-ke-toan-quan-tri-chi-phi.html?utm>
- Trần Thị Phương Thảo (2019). *Ảnh hưởng của cơ cấu vốn đến hiệu quả kinh doanh của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam* [Luận án tiến sĩ, Đại học Thương mại]. https://tmu.edu.vn/upload/tmu_old/saudaihoc/news/2019_12/luan-an-ncs-tran-thi-phuong-thao.pdf
- Trần Tố Mai & Lê Trần Hạnh Phương (2022). Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến hiệu quả tài chính của các công ty cổ phần tại Việt Nam: tổng quan nghiên cứu. *Tạp chí Công Thương*, 2(2). <https://tapchicongthuong.vn/phan-tich-anh-huong-cua-cau-truc-von-den-hieu-qua-tai-chinh-cua-cac-cong-ty-co-phan-tai-viet-nam--tong-quan-nguyen-cuu-87578.htm?utm>
- Vũ Quang Kết (2024). Tác động của lợi nhuận giữ lại đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp ICT niêm yết tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. https://kinhtevadubao.vn/tac-dong-cua-loi-nhuan-giu-lai-den-ket-qua-hoat-dong-cua-cac-doanh-nghiep-ict-niem-yet-tai-viet-nam-30570.html?utm_source=chatgpt.com

***Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Email: trangntq@utt.edu.vn**